Phụ lục IV

BẢNG GIÁ ĐẤT CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP

(Dự thảo sửa đổi bổ sung ban hành kèm theo Nghị quyết số ...../2026/NQ-HĐND)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

TT	Tên khu, cụm công nghiệp	Địa điểm	Giá đất
I	**Khu công nghiệp**		
1	Biên Hòa I	Phường Trấn Biên	3.600
2	Biên Hòa II	Phường Long Hưng	3.900
3	Loteco	Phường Long Bình	3.900
4	Agtex Long Bình	Phường Long Bình	3.900
5	Amata	Phường Long Bình	3.900
6	Tam Phước	Phường Tam Phước	2.000
7	An Phước	Xã An Phước	2.000
8	Giang Điền	Xã Giang Điền, phường Tam Phước	2.000
9	Long Thành	Xã An Phước	2.160
10	Long Đức	Xã Bình An	2.000
11	Lộc An - Bình Sơn	Phường Long Thành	2.000
12	Gò Dầu	Xã Phước Thái	2.300
13	Bàu Xéo	Phường Trảng Bom	1.800
14	Hố Nai	Xã Bình Minh, phường Phước Tân, phường Long Bình	2.000
15	Thạnh Phú	Phường Tân Triều	2.100
16	Sông Mây	Xã Tân An, xã Bình Minh, phường Hố Nai	1.800
17	Nhơn Trạch (gồm: Nhơn Trạch I, Nhơn Trạch II, Nhơn Trạch V, Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Nhơn Trạch II - Lộc Khang)	Phường Nhơn Trạch	2.100
18	Nhơn Trạch III, Dệt May - Nhơn Trạch	Xã Phước An, phường Nhơn Trạch	2.100
19	Nhơn Trạch VI	Xã Phước An	2.100
20	Ông Kèo	Xã Đại Phước	1.575
21	Long Khánh	Phường Bình Lộc	1.000
22	Suối Tre	Phường Bình Lộc	1.000
23	Dầu Giây	Phường Dầu Giây	1.270
24	Xuân Lộc	Phường Xuân Lộc	1.000

25	Định Quán	Xã La Ngà	500
26	Tân Phú	Phường Tân Phú	500
27	Khu công nghiệp công nghệ cao Amata Long Thành	Phường Long Thành, xã An Phước, phường Nhơn Trạch	2.800
28	Bàu Cạn – Tân Hiệp (giai đoạn 1)	Xã Long Phước, xã Phước Thái	2.000
29	Xuân Quế - Sông Nhạn (giai đoạn 1)	Xã Xuân Quế	1.270
30	Long Đức (giai đoạn 2)	Xã Bình An	1.800
31	Long Đức 3	Xã Bình An, phường Long Thành	1.800
32	Phước Bình	Xã Phước Thái	2.000
33	Phước Bình 2	Xã Phước Thái	2.000
34	Phước An	Xã Phước An	1.570
35	Becamex - Bình Phước	Phường Chơn Thành	870
36	Chơn Thành I	Phường Chơn Thành	820
37	Chơn Thành II	Phường Chơn Thành	820
38	Minh Hưng - Hàn Quốc	Phường Minh Hưng	1.050
39	Minh Hưng	Phường Minh Hưng	820
40	Minh Hưng III	Phường Minh Hưng	820
41	Minh Hưng III giai đoạn II	Phường Minh Hưng	820
42	Việt Kiều	Phường Bình Long	670
43	Minh Hưng - Sikico	Phường Tân Khai	820
44	Minh Hưng - Sikico giai đoạn II	Phường Tân Khai	820
45	Đồng Xoài I	Phường Đồng Xoài	780
46	Đồng Xoài II	Phường Đồng Xoài	670
47	Đồng Xoài III	Phường Bình Phước	1.050
48	Bắc Đồng Phú	Phường Đồng Phú	870
49	Nam Đồng Phú	Xã Đồng Phú	870
50	Bắc Đồng Phú giai đoạn II	Xã Đồng Phú	870
51	Nam Đồng Phú giai đoạn II	Xã Đồng Phú	870

52	Tân Khai 1	Phường Tân Khai	670
53	Tân Khai 2	Phường Bình Long, Phường Tân Khai	670
54	Bình Phước	Xã Đồng Tâm	670
55	Đồng Nơ	Phường Tân Khai	670
56	Hoa Lư	Xã Lộc Tấn, xã Lộc Thạnh	500
57	Ledana	Xã Lộc Thạnh	500
II	**Cụm công nghiệp**		
1	Dốc 47	Phường Tam Phước	1.400
2	Tam An	Xã An Phước	1.400
3	Gốm Tân Hạnh	Phường Biên Hòa	1.560
4	Phú Thạnh - Vĩnh Thanh	Phường Nhơn Trạch	1.575
5	Vật liệu xây dựng Hố Nai 3	Phường Hố Nai	1.200
6	Hưng Lộc	Phường Dầu Giây	1.000
7	Thạnh Phú - Thiện Tân	Phường Trảng Dài	2.100
8	Vật liệu xây dựng Tân An	Xã Tân An	1.470
9	Xuân Hưng	Xã Xuân Hòa	950
10	Phú Cường	Xã Thống Nhất	580
11	Long Giao	Xã Cẩm Mỹ, xã Xuân Đường	1.500
12	Long Phước 1	Xã Long Phước	1.500
13	Tân An	Xã Tân An	1.470
14	Thiện Tân giai đoạn 1	Phường Trảng Dài	1.600
15	Vĩnh Tân	Xã Tân An	1.470
16	Phước Bình	Xã Phước Thái	910
17	Xã Đồi 61	Xã An Viễn	1.200
18	Bình An	Xã Bình An	1.500
19	Sông Trầu	Phường Trảng Bom	1.200
20	Hưng Thịnh	Xã Hưng Thịnh	1.200
21	Lộ 25	Phường Dầu Giây	1.270
22	Quang Trung	Xã Gia Kiệm	1.270
23	Quang Trung 1	Xã Gia Kiệm	1.270
24	Quang Trung 2	Xã Gia Kiệm	1.270
25	Phú Túc	Xã Thống Nhất	620
26	Hàng Gòn	Phường Hàng Gòn	1.000

27	Xuân Tây	Xã Xuân Đông	950
28	Phú Vinh	Xã Phú Vinh	620
29	Phú Bình	Xã Phú Lâm	620
30	Vĩnh An	Phường Trị An	1.470
31	Tân An 2	Xã Tân An	1.470
32	Tiến Hưng 1	Phường Bình Phước	650
33	Tân Phú	Phường Đồng Phú	580
34	Tân Tiến 1	Phường Đồng Phú	580
35	Tân Tiến 2	Phường Đồng Phú	580
36	Hà Mỵ	Phường Đồng Phú	580
37	Phú Riềng	Xã Phú Riềng	580
38	Bù Nho	Xã Phú Riềng	580
39	Tân Hưng	Xã Tân Lợi	580
40	Thanh Phú	Phường An Lộc	650
41	Thanh Phú 2	Phường An Lộc	650
42	Hưng Chiến	Phường Bình Long	650
43	Tân Lập	Phường Đồng Phú	580
44	Đa Kia	Xã Đa Kia	580
45	Nha Bích	Xã Nha Bích	650
46	Phước Bình	Phường Phước Bình	650
47	Long Giang	Phường Phước Bình	650
48	Phước An	Xã Tân Quan	580
49	Hưng Phú	Phường Tân Khai	580
50	Đại Tân	Xã Minh Đức	580
51	Lộc Thái	Xã Lộc Ninh	580
52	Lộc Tấn	Xã Lộc Tấn	500
53	Lộc Thạnh	Xã Lộc Thạnh	500
54	Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	500
55	Phước Thiện	Xã Hưng Phước	500
56	Cao su Sông Bé	Xã Hưng Phước	500
57	Phú Nghĩa 2	Xã Phú Nghĩa	500
58	Phú Nghĩa 3	Xã Phú Nghĩa	500
59	Bù Nho 1	Xã Phú Riềng	580
60	Thuận Phú	Xã Thuận Lợi	580
61	Đức Liễu	Xã Nghĩa Trung	580

62	Minh Hưng 1	Xã Bù Đăng	500
63	Minh Hưng 2	Xã Bù Đăng	500